TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS- ST
Ngày: 05-9-2018
V/v " tranh chấp hợp đồng dân sự "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương *tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc *" tranh chấp hợp đồng dân sự*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:10/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐDS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số:02/2018/QĐDS- ST ngày 13-8-2018; thông báo về việc mở lại phiên tòa số 02/2018/TB-TA ngày 27-8-2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q - sinh năm 1969

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1976

Đều có địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện KM, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Q trình bày: do có mối quan hệ là họ hàng với chị Nguyễn Thị H, vào khoảng cuối năm 2010 anh Nguyễn Văn H là chồng của chị H có đến nhà ông hỏi vay số tiền là 130.000.000 đồng để làm ăn phát triển kinh tế. Khi cho vay ông có làm giấy tờ với anh H và hai bên thỏa thuận lãi suất

bằng miệng là 1.65%/tháng, nhưng không hẹn cụ thể ngày nào trả. Trong quá trình trả lãi chị H là vợ anh H thường xuyên trả lãi cho ông và sau đó có điều chỉnh lãi suất xuống 1,2%/tháng. Thời gian ông tính lãi 1,2% từ khi nào thì ông không nhớ. Vợ chồng anh H chị H có trả lãi cho ông đến ngày 12 tháng 8 năm 2014 thì ngừng không trả nữa. Vào ngày 27/2/2015 ông có sang gặp vợ chồng chị H để yêu cầu anh chị cùng viết lại giấy vay nợ. Ông và vợ chồng chị H có làm giấy nhận nợ trong đó có ghi số nợ gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 12/8/2014 với mức là 0,8%/ tháng. Hai bên thỏa thuận anh chị phải có trách nhiệm trả cho ông toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 2 năm kể từ ngày 12/8/2014. Tuy nhiên sau khi kết thúc thời hạn 2 năm anh chị chưa trả cho ông được tiền gốc và lãi, đã nhiều lần ông đến đòi nhưng anh chị không trả. Tháng 6 năm 2017 anh Nguyễn Văn H là chồng chị H chết do tai nạn, nay ông chỉ yêu cầu và đồng ý chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông toàn bộ số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 12/8/2014 cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ án theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận là 0,8%/ tháng. Ông không đồng ý cho chị H trả dần số nợ này.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị H xác định vào khoảng cuối năm 2010 chồng chị là anh Trần Văn H có vay của ông Nguyễn Văn Q số tiền 130.000.000 đồng để làm kinh tế gia đình. Khi vay hai bên có làm giấy nhận nợ, nhưng không ghi cụ thể ngày trả nợ và lãi suất. Hai bên chỉ thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau là 1,7%/tháng. Trong quá trình trả lãi ông Q có điều chỉnh lãi suất xuống là 1,2%/tháng, cụ thể thời gian tính lãi suất là 1,2%/tháng thì chị không nhớ rõ. Vì cứ đến kỳ trả lãi chị lại chủ động hỏi ông Q số tiền lãi phải trả là bao nhiêu, ông Q nói bao nhiêu tiền thì chị trả bấy nhiêu. Từ sau khi vay tiền vợ chồng anh chị vẫn trả đều tiền lãi cho ông Q, cho đến tháng 8/2014 thì không trả lãi nữa.

Ngày 27/2/2015 ông Q có đến yêu cầu vợ chồng chị viết giấy nhận nợ, trong nội dung giấy có chốt số nợ gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 12/8/2014 với mức là 0,8%/tháng. Trong giấy nhận nợ này vợ chồng anh chị cùng ký nhận và hẹn 2 năm sau trả cả gốc và lãi kể từ ngày 12/8/2014. Tuy nhiên sau hai năm do anh chị làm ăn thua nỗ nên chưa có khả năng để thanh toán cho ông Q số nợ trên. Nay chị xác định anh chị còn nợ ông Q 130.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi từ ngày 12/8/2014 theo mức là 0,8%/ tháng là đúng. Chị chỉ đồng ý trả dần tiền gốc là 130.000.000 đồng và xin không trả lãi. Sau đó chị thay đổi ý kiến đồng ý trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi nhưng xin được trả dần vì điều kiện chị khó khăn không có khả năng để trả ngay được toàn bộ số tiền

này.

Chị xác định số tiền nợ là nợ chung của hai vợ chồng nhưng chồng chị đã mất vào tháng 6 năm 2017 nên chị tự nguyện có trách nhiệm trả cho ông Q toàn bộ số tiền nợ này.

Những người thuộc diện hàng thừa kế của anh H gồm cháu Trần Văn H, Trần Văn H2 và bà Phạm Thị Ph (mẹ đẻ anh H) cùng xác định sau khi anh Trần Văn H chết di sản của anh để lại vẫn chưa được chia và chị H đang là người quản lý. Bà Ph, cháu H, cháu H2 cùng thống nhất với chị H về nghĩa vụ trả nợ cho ông Q, chị H sẽ là người có trách nhiệm thanh toán. Cháu H, cháu H2 và bà Ph đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng. Chị Hường có toàn quyền quyết định giải quyết việc vay nợ với ông Nguyễn Văn Q tại Tòa án. Ông Trần Văn V bố đẻ anh H đã chết năm 1984.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án và đồng ý trả dần cho ông Q toàn bộ số tiền gốc và lãi trong thời hạn 3 năm. Ông Q không đồng ý, các bên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng: Điều 357, 463,464,465, 468, 470,615, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q. Buộc chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 12-8-2014 cho đến ngày 05-9-2018 theo mức 0,8%/ tháng.

Về án phí: Chị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Q có đơn yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải thanh toán số nợ gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi suất theo thỏa thuận 0,8%/tháng kể từ ngày 12/8/2014, do vậy xác định là quan hệ tranh chấp " hợp đồng dân sự" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại xã T, huyện KM, tỉnh Hải Dương. Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về yêu cầu trả tiền nợ gốc 130.000. 000 đồng: Theo giấy nhận nợ ngày 27/02/2015 do ông Nguyễn Văn Q cung cấp xác định vợ chồng chị H còn nợ ông số tiền gốc là 130.000.0000 đồng. Nội dung thỏa thuận trong giấy nhận nợ ngày 27/02/2015 giữa ông Q và vợ chồng chị H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 463,464,465 của Bộ luật dân sự năm 2015. Mặt khác, chị H cũng xác định anh chị còn nợ ông Q tiền gốc 130.000.000 đồng là đúng và tự nguyện đồng ý trả dần toàn bộ số tiền nợ này. Ông Nguyễn Văn Q chỉ yêu cầu chị H và đồng ý chị H là người có trách nhiệm trả nợ. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Q là có căn cứ chấp nhận, cần buộc chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông Q số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng.

Về yêu cầu tiền lãi suất 0,8%/ tháng kể từ ngày 12/8/2014 đến khi Tòa án xét xử xong vụ án Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy nhận nợ ngày 27/02/2015 có ghi nội dung thỏa thuận về lãi suất là 0,8%/tháng thời gian kể từ ngày 12/8/2014. Nội dung thỏa thuận lãi của các bên không trái với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Chị H đồng ý trả số tiền lãi 0,8%/ tháng cho ông Q từ ngày 12-8-2014 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án. Do vậy buộc chị Nguyễn Thị H phải thanh toán số tiền nợ lãi cho ông Q là: *(130.000.000 đồng x 0,8%/ tháng)x 48 tháng 24 ngày = 50.752.000 đồng.*

Tổng số tiền gốc và lãi chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn Q là 180.752.000 đồng (*trong đó 130.000.000 đồng tiền gốc và 50.752.000 đồng tiền lãi).*

Về án phí: Chị H là cá nhân thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên căn cứ theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H được miễn nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ theo quy định tại các Điều 357, 463,464,465, 468, 470, 615, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q. Buộc chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Q tiền gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 12-8-2014 đến ngày 05-9-2018 là 50.752.000 đồng. Tổng số tiền chị Hường phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Quyển là 180.752.000 *(một trăm tám mươi triệu bảy trăm lăm mươi hai nghìn)* đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị H. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.450.000 *(bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn)* đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0001665 ngày 07/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Nguyệt